

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI PHÒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HẢI PHÒNG**



GIÁO TRÌNH

Tên môn đun: Giáo trình chính trị

Nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

MỤC LỤC

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN	1
LỜI GIỚI THIỆU	2
MỤC LỤC	3
BÀI MỞ ĐẦU ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ MÔN HỌC CHÍNH TRỊ	4
BÀI 1: KHÁI QUÁT SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC- LÊN IN	7
BÀI 2: NHỮNG NGUYÊN LÝ VÀ QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	13
BÀI 3: NHỮNG QUY LUẬT CƠ BẢN VỀ SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI.....	23
BÀI 4: BẢN CHẤT VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TQI BẢN	30
Bài 5: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.....	35
BÀI 6: TRUYỀN THỐNG YÊU NGƯỜI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM	39
BÀI 7: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - NGƯỜI TỔ CHỨC VÀ LÃNH ĐẠO MỌI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM	43
BÀI 8: TQI TQIỜNG VÀ TÁM GQIỜNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH.....	48
BÀI 9: ĐQIỜNG LỐI PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA ĐẢNG.....	54
BÀI 10: ĐQIỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, XÃ HỘI,CON NGQIỜI.....	58
BÀI 11: GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM	61

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Môn học: Chính trị

Mã số môn học: MH 01

Vị trí, ý nghĩa, vai trò của môn học

- Môn học Chính trị được bố trí học đầu khóa học
- Môn Chính trị là môn học bắt buộc trong chương trình dạy nghề trình độ cao đẳng và là một trong những môn học tham gia vào thi tốt nghiệp.
- Môn Chính trị là một trong những nội dung quan trọng của đào tạo nghề nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện người lao động.

Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
 - + Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.
 - + Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam.
- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Nội dung môn học:

- Bài mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ môn học Chính trị
- Bài 1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Chủ nghĩa Mác - Lênin
- Bài 2. Những nguyên lý và quy luật cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Bài 3. Những quy luật cơ bản về sự phát triển xã hội
- Bài 4. Bản chất và các giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa tư bản
- Bài 5. Chủ nghĩa xã hội và quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- Bài 6. Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam
- Bài 7. Đảng cộng sản Việt Nam - Người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam
- Bài 8. Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
- Bài 9. Đường lối phát triển kinh tế của Đảng
- Bài 10. Đường lối xây dựng và phát triển văn hóa, xã hội, con người
- Bài 11. Giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam

BÀI MỞ ĐẦU

ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ MÔN HỌC CHÍNH TRỊ

MÃ BÀI: MH 01 – 1

Giới thiệu:

Bài mở đầu giới thiệu khái quát về đối tượng nghiên cứu, học tập; chức năng, nhiệm vụ; phương pháp và ý nghĩa học tập bộ môn Chính trị

Mục tiêu:

- Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ và ý nghĩa học tập môn học Chính trị
- Vận dụng kiến thức đã học để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức tốt
- Có tự trọng và tình cảm tốt đẹp, có ý thức thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của nhà nước

1. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP

Chính trị là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng xã hội gồm hệ thống chính trị, nhà nước, các tổ chức đảng phái; là toàn bộ hoạt động của con người có liên quan đến các giai cấp, tổ chức, đảng phái, dân tộc, các tầng lớp xã hội mà cốt lõi là vấn đề giành chính quyền, lãnh đạo tổ chức và xác định nội dung hoạt động của nhà nước.

Chính trị xuất hiện khi xã hội phân chia thành giai cấp, là biểu hiện tập trung nhất của kinh tế.

Đối tượng nghiên cứu:

Chính trị học nghiên cứu những quy luật chung nhất của hoạt động chính trị, những cơ chế tác động, những phương thức sử dụng để hiện thực hóa những quy luật chung đó.

Nghiên cứu hoạt động của các đảng phái và chính quyền, các tổ chức chính trị, các giai cấp và các mối quan hệ về chính trị giữa các lực lượng đó.

Mục đích của môn học Chính trị:

Trang bị cho người học nhận thức cơ bản về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu đường lối lãnh đạo của Đảng, làm rõ những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam, của giai cấp công nhân.

Góp phần bồi dưỡng nhận thức tư tưởng, giáo dục niềm tin vào Đảng và định hướng trong quá trình học tập, rèn luyện...

2. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Môn học Chính trị có hai chức năng cơ bản:

Chức năng nhận thức; Chức năng giáo dục tư tưởng tình cảm cách mạng

Môn học Chính trị có nhiệm vụ:

Nghiên cứu các hoạt động xây dựng chế độ và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta;

Nghiên cứu nền tảng tư tưởng của Đảng, của cách mạng Việt Nam.

Cung cấp những hiểu biết về chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, hiểu biết về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân, công đoàn Việt Nam.

Người học nghề khi học xong môn Chính trị phải đạt được những yêu cầu toàn diện cả về kiến thức, về kỹ năng, về tư tưởng và hành động.

Phải liên hệ với các môn học khác, cập nhật thông tin, liên hệ thực tiễn.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP

Phương pháp:

Phát huy tính chủ động, tính tích cực của người học. Người học cố gắng liên hệ với thực tiễn, tự nghiên cứu, thảo luận.

Người dạy đổi mới mạnh mẽ phương pháp, bồi dưỡng cập nhật những quan điểm, đường lối chủ trương của Đảng, tăng cường học tập Nghị quyết, phổ biến pháp luật, các phong trào thi đua gắn lý luận với thực tiễn để định hướng nhận thức, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho người học nghề.

Tổ chức cho sinh viên thảo luận, xem băng hình, phim tư liệu lịch sử, đi tham quan.

Ý nghĩa học tập:

Môn chính trị là một trong những nội dung quan trọng của đào tạo nghề, nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao trình độ giác ngộ và giáo dục toàn diện, góp phần khắc phục những sai lầm, khuyết điểm cho người lao động, là môn học bắt buộc để tham gia vào thi tốt nghiệp.

Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng. Từ đó, vận dụng kiến thức cơ bản đã học để rèn luyện trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa đất nước.

BÀI 1: KHÁI QUÁT SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC- LÊNIN

MÃ BÀI: MH 01 – 2

Giới thiệu

Bài 1 giới thiệu khái quát về nội dung C.Mác, Ph.Ăngghen sáng lập học thuyết; Lênin phát triển học thuyết Mác; Vận dụng và phát triển của Chủ nghĩa Mác-Lênin từ năm 1924 đến nay

Mục tiêu

- Trình bày được sự ra đời và quá trình phát triển của Chủ nghĩa Mác - lenin
- Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng Chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới
- Tôn trọng, tin tưởng và có ý thức bảo vệ, gìn giữ bản chất cách mạng - khoa học của Chủ nghĩa Mác

1. C. MÁC, PH.ĂNG GHEN SÁNG LẬP HỌC THUYẾT

1.1. Các tiền đề hình thành

a. Tiền đề kinh tế- xã hội

Sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản làm cho mâu thuẫn vốn có của nó bộc lộ ngày càng gay gắt.

Troյốc hết là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mang tính xã hội hóa với quan hệ sản xuất mang tính chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất Tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn này biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản.

Nhiều cuộc khởi nghĩa của giai cấp công nhân nổ ra, nhưng đều thất bại. Mặc dù thất bại nhưng nó mở đầu thời kỳ đấu tranh độc lập của giai cấp công nhân và đặt ra những yêu cầu giải đáp về lý luận mới có thể dẫn đường cho cách mạng thắng lợi.

Thực tiễn phong trào công nhân là "mảnh đất hiện thực" đòi hỏi cho sự hình thành và phát triển của CNXH khoa học của Mác- Ăng ghen.

b. Tiền đề lý luận và khoa học

Về lý luận: Triết học Mác ra đời là kết quả của sự kế thừa tất cả những tinh hoa trong lịch sử tư tưởng nhân loại, mà troյốc hết là triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học Anh, CNXH không tư tưởng Pháp.

Triết học cổ điển Đức (Hê ghen, Phoiơbắc)

Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh (A.smith, W.petty, Đ. Ricacđô...)

CNXH không tư tưởng Pháp (C. Phuriê, H.Xanh xi môn, R.Ôoen)

Về khoa học tự nhiên: Có ba phát minh quan trọng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX mà chủ nghĩa Mác quan tâm để hình thành nên học thuyết khoa học của mình. Đó là định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, thuyết tiến hóa của Đacuyn, học thuyết tế bào.

c. Vai trò nhân tố chủ quan của C.Mác, Ph.Ăngghen

C. Mác (1818- 1883), Ph. Ăngghen(1820-1895) là những người có kiến thức thiên tài trên nhiều lĩnh vực gần bó và hiểu biết sâu sắc với phong trào công nhân và nhân dân lao động.

Tháng 8- 1844, hai ông đã gặp nhau và nhanh chóng nhất trí về toạ toạ và bắt đầu cộng tác với nhau trên nhiều lĩnh vực, chuyển biến từ lập trường duy tâm sang lập trường duy vật, tích cực hoạt động trong phong trào công nhân.

Tóm lại, chủ nghĩa Mác ra đời nhờ một tất yếu lịch sử không những vì đời sống và thực tiễn, nhất là thực tiễn của giai cấp công nhân đòi hỏi phải có một lý luận mới soi đường mà còn là sự phát triển hợp logic của lịch sử toạ toạ nhân loại. Đồng thời chủ nghĩa Mác ra đời cũng là kết quả tất yếu của những trí tuệ thiên tài, những trái tim đầy nhiệt huyết cách mạng.

1.2. Sự ra đời và phát triển của học thuyết Mác(1848- 1895)

Sự ra đời và đặt nền móng phát triển của học thuyết gắn liền với tên tuổi của C. Mác và Ph. Ăngghen. Cuối tháng 2-1848, tác phẩm Tuyên ngôn Đảng cộng sản được thông qua và công bố ở Luân Đôn, đặt nền móng ra đời chủ nghĩa Mác.

Kế thừa và phát triển rực rỡ những tinh hoa trí tuệ của nhân loại, qua nắm bắt thực tiễn phong trào công nhân những năm 1848- 1849 ở Pháp và một số nước ở Châu Âu, đặc biệt nghiên cứu những kinh nghiệm thất bại của công xã Paris (1871), C.Mác và Ph.Ăng ghen đã viết nhiều tác phẩm đề cập đến những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa toạ bản, về triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học. Hai ông đã tổng kết phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và đề ra những vấn đề cơ bản có tính chất nguyên lý về cách mạng vô sản và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Mác và Ăng ghen đã sáng tạo ra những giá trị lý luận tiêu biểu cống hiến cho nhân loại đó là: Triết học (Chủ nghĩa duy vật biện chứng đỉnh cao là học thuyết hình thái kinh tế xã hội, học thuyết giá trị thặng dư, sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân...)

Ngoài sáng tạo ra học thuyết lý luận, Mác và Ăngghen đã tích cực hoạt động phong trào công nhân và là người tổ chức lãnh đạo phong trào công nhân quốc tế.

2. V.I. LÊNIN PHÁT TRIỂN HỌC THUYẾT MÁC (1895-1924)

2.1. Sự phát triển về lý luận cách mạng

Đầu thế kỷ XX, tình hình thế giới đã xuất hiện những đặc điểm mới. Một mặt Chủ nghĩa toạ bản đã chuyển sang chủ nghĩa đế quốc với những mâu thuẫn nội tại không thể nào khắc phục được. Lênin đã tổng kết và nêu ra 5 đặc điểm cơ bản của Chủ nghĩa đế quốc.

Kế thừa lý luận Mác Ăngghen và qua hoạt động thực tiễn cách mạng ở Nga V.I. Lênin (1870- 1924) đã phát triển lý luận mới trên nhiều lĩnh vực. Người chỉ rõ:

Cách mạng vô sản có thể nổ ra và giành thắng lợi ở một số nước, thậm chí ở một nước nơi yếu nhất trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa, “vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”...

Lý luận cách mạng tiên tiến khoa học là chủ nghĩa Mác, khi đã xâm nhập vào phong trào công nhân thì sẽ trở thành sức mạnh vật chất, làm cho phong trào công nhân trở thành tự giác, CNXH khoa học kết hợp phong trào công nhân tất yếu trở thành Đảng cộng sản của giai cấp công nhân.

Xây dựng Đảng kiểu mới, lấy chủ nghĩa Mác Lênin làm nền tảng tư tưởng, có điều lệ và các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt chặt chẽ, có mối liên hệ mật thiết với quần chúng, chống chủ nghĩa cơ hội.

Lênin đưa ra lý luận mới về chiến tranh và hoà bình, nhà nước và cách mạng... và lãnh đạo cách mạng tháng Mười Nga thành công.

Cùng với những cống hiến hết sức to lớn cả về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng, V.L. Lênin còn nêu ra một tầm gương sáng ngời với lòng trung thành vô hạn với lợi ích của giai cấp công nhân với lý tưởng cộng sản do Mác và Ph. Ăngghen sáng lập và khởi xướng, phát triển sáng tạo CNXH khoa học. Những điều đó làm cho V.L. Lênin trở thành một thiên tài khoa học và một lãnh tụ kiệt xuất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới.

2.2. Chủ nghĩa xã hội từ lý luận trở thành hiện thực

Cách mạng tháng Mười Nga thành công mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử nhân loại đó là thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới. Lý luận về CNXH đã trở thành hiện thực trên đất nước Nga. Tháng 3-1919, Quốc tế III ra đời tác động mạnh mẽ đến cho phong trào cách mạng thế giới. Tháng 12-1922, Liên Xô bước vào xây dựng CNXH.

Lênin đã phát triển lý luận về chiến tranh, hoà bình và cách mạng, về chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân và bảo vệ Tổ quốc.

Lênin tiếp tục phát triển lý luận của mình trên những vấn đề mới: về nhiệm vụ chính quyền Xô Viết, về dân chủ và chuyên chính vô sản, thực hành chính sách kinh tế mới, tổ chức thi đua XHCN, tiến hành Công nghiệp hóa, chống quan liêu...

Người nêu rõ nguyên tắc xây dựng Đảng vô sản kiểu mới và xây dựng quốc tế cộng sản.

Ngày 21- 01- 1924, V.I. Lênin qua đời Chủ nghĩa Mác Lênin trở thành học thuyết soi đường cho phong trào cộng sản, công nhân, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới...

Vai trò của chủ nghĩa Mác Lênin:

Chủ nghĩa Mác- Lênin là học thuyết có giá trị to lớn và bền vững vì nó đưa ra mục tiêu cao đẹp có nội dung khoa học, có phương pháp đúng đắn, được thực tiễn kiểm nghiệm.

Chủ nghĩa Mác- Lênin là học thuyết duy nhất nêu lên mục tiêu và con đường, lực lượng, phương pháp để đạt được mục tiêu là giải phóng con người, đưa an người và tất cả các dân tộc trên thế giới phát triển toàn diện, bình đẳng, ấm no, hạnh phúc. Nó vừa có giá trị nhân văn cao cả, vừa phù hợp với khát vọng của con người, đem lại hạnh phúc cho mọi người nên nó không bao giờ bị lỗi thời.

Chủ nghĩa Mác Lênin là học thuyết mang bản chất khoa học và cách mạng.

Chủ nghĩa Mác Lênin cung cấp cho chúng ta thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn và khoa học, không chỉ nhận thức thế giới mà còn cải tạo thế giới. Nó luôn được bổ sung và phát triển.

Chủ nghĩa Mác- Lênin luôn coi thực tiễn là thước đo kiểm nghiệm, là tiêu chuẩn chân lý. Nó là một học thuyết mở, năng động, là nền tảng to lớn, là kim chỉ nam cho hành động đòi hỏi thường xuyên được bổ sung, phát triển năng động, sáng tạo.

Khi nghiên cứu, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin mỗi người phải độc lập tự chủ, nắm lấy bản chất cách mạng, khoa học của học thuyết để vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện cụ thể, tránh rập khuôn, máy móc, giáo điều.

3. VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

3.1. Vận dụng và phát triển lý luận xây dựng Chủ nghĩa xã hội (1924-1991)

Từ 1924 đến nay chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết lý luận làm nền tảng và kim chỉ nam cho hành động của các Đảng Cộng Sản trên thế giới trong đấu tranh cách mạng và xây dựng CNXH.

Các Đảng Cộng Sản các nước thường xuyên trao đổi kinh nghiệm vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào xây dựng CNXH và đấu tranh cách mạng phù hợp với điều kiện mỗi nước.

Trên cơ sở những nguyên lý chung các Đảng Cộng Sản và công nhân từng nước vận dụng một cách sáng tạo đề ra những nhiệm vụ cụ thể của cách mạng nước mình để bổ sung và làm phong phú phát triển lý luận mới.

Qua 20 năm xây dựng CNXH (từ 1921 đến 1941) Liên Xô đã đạt được những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá- giáo dục, quan hệ quốc tế làm cho Liên Xô trở thành một cường quốc, văn hoá, khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, là trụ cột của các lực lượng cách mạng và thành trì của hoà bình thế giới.

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, lý luận và kinh nghiệm xây dựng CNXH được vận dụng ở tất cả các nước XHCN, hệ thống XHCN trên thế giới phát triển mạnh.

Tác động mạnh mẽ của hệ thống XHCN và phong trào cách mạng thế giới góp phần vào thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và

Mỹ Latinh vào những năm 60 và cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở Việt Nam năm 1975. Đây là bằng chứng hùng hồn cho sự phát triển của chủ nghĩa Mác Lênin, của độc lập dân tộc gắn liền CNXH.

Từ 12/ 1978 tới năm 1991 công cuộc cải cách xây dựng CNXH mang màu sắc Trung Quốc đã liên tiếp giành những thắng lợi quan trọng.

Sự khủng hoảng:

Bên cạnh những thành tựu to lớn thì các nước đã mắc không ít sai lầm, dẫn tới khủng hoảng kinh tế - xã hội và sụp đổ.

Vào cuối thập kỷ 70 đầu 80, CNXH hiện thực lâm vào thoái trào tri triệ khủng hoảng. Đến tháng 12 năm 1991, Liên Xô sụp đổ hoàn toàn.

Nguyên nhân:

Do duy trì quá lâu chế độ tập trung quan liêu bao cấp.

CNĐQ luôn tìm cách chống phá Chủ nghĩa xã hội.

Nguyên nhân trực tiếp là do sự thoái hoá biến chất của ngời lãnh đạo cấp cao nhất, họ đã từng boịc xa rời và phản bội những nguyên lý của chủ nghĩa Mác.

Tổn thất:

Sự sụp đổ CNXH ở Liên Xô và Đông Âu là một tổn thất to lớn không gì bù đắp nổi cho phong trào cách mạng thế giới và Việt Nam: làm thay đổi trật tự thế giới, CNXH mất một mảng lớn và lâm vào thoái trào, hoà bình thế giới mất trụ cột, các nước XHCN còn lại trên thế giới mất một chỗ dựa vững chắc, một nguồn viện trợ và hợp tác to lớn.

CNĐQ lợi dụng cơ hội và chống phá quyết liệt hơn.

Bài học kinh nghiệm:

Từ trong sự sụp đổ đó Đảng ta rút ra nhiều bài học kinh nghiệm bổ sung và phát triển vào đường lối cách mạng Việt Nam.

Cải tổ, đổi mới xây dựng CNXH là tất yếu khách quan. Bài học rút ra là Đảng phải có bản lĩnh chính trị rõ ràng, luôn luôn nắm vững bản chất cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác Lênin và thực tiễn của đất nước để vận dụng với tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo.

Đảng phải đổi mới phơng thức lãnh đạo, chăm lo xây dựng Đảng, nâng cao trình độ lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Đảng phải đề ra phơng hướng và boịc đi thích hợp, luôn mở rộng dân chủ và gắn bó chặt chẽ với nhân dân.

3.2. Đổi mới lý luận xây dựng Chủ nghĩa xã hội từ sau năm 1991

Sau khi Liên Xô, Đông Âu sụp đổ các loại kẻ thù tập trung chống phá chủ nghĩa Mác- Lênin. Chủ nghĩa cơ hội nhiều màu sắc tìm cách hòa với Chủ nghĩa đế quốc để xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ lịch sử và tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin đã lỗi thời lạc hậu.

Mỗi chúng ta cần phải thấy rõ kẻ thù chống phá chủ nghĩa Mác- Lênin ngay từ khi học thuyết ra đời. Cần tích cực bảo vệ chủ nghĩa Mác. Ngày nay công cuộc xây dựng CNXH ở các nước còn lại tiếp tục đổi mới và giành nhiều thắng lợi, cần tiếp tục bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin trong điều kiện mới làm cho học thuyết này có thêm sức sống mới thực chất và năng động hơn đi vào thực tiễn cách mạng thế giới.

Đảng Cộng Sản Việt Nam với tinh thần độc lập tự chủ, vận dụng sáng tạo, bổ sung và làm phong phú lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện cụ thể nước mình.

Trong giai đoạn hiện nay chúng ta cần tập trung bảo vệ và phát triển những vấn đề cơ bản có vị trí trung tâm và quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đảng ta khẳng định: ” Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tị tị tị tị Hồ Chí Minh làm nền tảng tị tị tị tị và kim chỉ nam cho hành động”.

Đảng đã đạt nhiều thành tựu trong việc nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác Lênin và tị tị tị tị Hồ Chí Minh, giáo dục lý luận chính trị trong Đảng và trong xã hội được đẩy mạnh, chương trình giáo dục chính trị được đưa vào hệ thống giáo dục của Đảng, các trường chính trị, các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề... Đội ngũ làm công tác nghiên cứu giảng dạy lý luận chính trị được củng cố, bổ sung, phát triển.

Mỗi cán bộ Đảng viên cần ra sức học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, nêu cao ý thức học tập, năng lực tị duy độc lập sáng tạo, vận dụng bổ sung phát triển chủ nghĩa Mác Lênin, tị tị tị tị Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, đẩy mạnh sự nghiệp CNH- HĐH đất nước.

4. THẢO LUẬN

Những tiền đề hình thành và vai trò của chủ nghĩa Mác – Lênin

Lênin phát triển học thuyết Mác (1895 – 1924)

BÀI 2: NHỮNG NGUYÊN LÝ VÀ QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

MÃ BÀI: MH 01 – 3

Giới thiệu:

Nội dung trọng tâm là nguồn gốc và bản chất của ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; quy luật mâu thuẫn

Mục tiêu:

- Nêu và phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức; hai nguyên lý và ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật.
- Vận dụng kiến thức đã học để lý giải những quy luật, hiện tượng xảy ra trong cuộc sống; phân biệt mâu thuẫn thông thường và mâu thuẫn triết học.
- Tích cực tham gia giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình và cộng đồng.

1. CHỦ NGHĨA DUY VẬT KHOA HỌC

1.1. Phỏng thức tồn tại của vật chất

a. Bản chất của thế giới

Bản chất của thế giới là vật chất. Vật chất là cái có trước, ý thức là cái có sau, vật chất quyết định ý thức, còn ý thức là sự phản ánh một phần của thế giới vật chất vào trong đầu óc của con người.

"Vật chất là một phạm trù triết học, dùng để chỉ thực tại khách quan, được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không phụ thuộc vào cảm giác"

Thuộc tính chung nhất của vật chất nó tồn tại ở bên ngoài, không lệ thuộc vào cảm giác.

Vật chất không phải tồn tại trừu tượng mà tồn tại qua các sự vật cụ thể được cảm giác của con người ghi lại, sao chép lại.

Định nghĩa vật chất của Lênin đã giải quyết được vấn đề cơ bản của triết học theo lập trường duy vật biện chứng, mở đường cho các ngành khoa học cụ thể, đi sâu nghiên cứu thế giới, tìm thêm những dạng mới của vật chất, đem lại niềm tin cho con người trong việc nhận thức và cải tạo thế giới.

b. Các phương thức tồn tại của vật chất

Vận động là phương thức tồn tại của vật chất

Định nghĩa vận động:

Vận động là phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cố hữu của vật chất. Bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản đến toạ độ.

Vận động là phương thức tồn tại của vật chất: vật chất tồn tại bằng vận động, không có vận động thì vật chất không thể tồn tại.

Vận động là thuộc tính cố hữu của vật chất: vận động là thuộc tính có sẵn trong vật chất, có vật chất là có vận động và ngược lại. Giữa vận động và vật chất không tách rời nhau.

Nguồn gốc của sự vận động

Chủ nghĩa duy tâm cho rằng vận động là do thần linh thọ dụng để mà có.

Triết học Mác- Lê nin: Vận động là tự thân vận động do mâu thuẫn nội tại của sự vật, hiện tượng quy định.

Các hình thức vận động

Vận động cơ học, lí học, hóa học, Sinh học và vận động xã hội.

Trong đó vận động xã hội là hình thức vận động cao nhất.

Vận động và đứng im

Triết học Mác- Lê nin cho rằng vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối.

Vận động là tuyệt đối vì vận động là phương thức tồn tại của vật chất, thuộc tính cố hữu của vật chất, cho nên không ở đâu không lúc nào có vật chất mà không có vận động.

Đứng im chỉ là tương đối bởi nó chỉ xảy ra với một hình thức vận động, có tính chất cá biệt. Nó chỉ xảy ra trong một quan hệ nhất định chứ không xảy ra trong mọi mối quan hệ cùng một lúc.

Không gian và thời gian

Không gian là hình thức tồn tại của vật chất đó là sự cùng tồn tại, kết cấu, quy mô và tác động lẫn nhau của sự vật và hiện tượng.

Thời gian cũng là hình thức tồn tại của vật chất có độ dài diễn biến, quá trình, sự kế tiếp nhau, vận động và phát triển.

Quan hệ giữa không gian, thời gian với vật chất và vận động

Triết học Mác- Lênin khẳng định không gian và thời gian là hình thức tồn tại của vật chất nên nó gắn liền với vận động. Vật chất và vận động không tách rời không gian và thời gian. Nghĩa là vật chất vận động trong không gian và thời gian.

Tính chất của không gian và thời gian:

Chủ nghĩa duy vật biện chứng xem không gian và thời gian là cái khách quan vốn có của bản thân vật chất.

Do không gian và thời gian là không gian và thời gian của vật chất, nên thế giới vật chất vô tận thì không gian và thời gian cũng vô tận.

c. Tính thống nhất vật chất của thế giới

Sự thống nhất biểu hiện chỉ có một thế giới duy nhất là thế giới vật chất, tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người.

Sự thống nhất của thế giới ở tính vật chất không chỉ thể hiện ở thế giới tự nhiên mà cả trong xã hội.

1.2. Nguồn gốc và bản chất của ý thức

a. Nguồn gốc của ý thức

Quan niệm về ý thức:

Chủ nghĩa duy tâm: Sự vật là tổng hợp các cảm giác, xóa bỏ các cảm giác ấy thì sự vật cũng bị xóa bỏ.

Chủ nghĩa Mác- Lênin: Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Là sự phản ánh hiện thực khách quan vào đầu óc con người một cách năng động và sáng tạo.

Nguồn gốc của ý thức:

Nguồn gốc tự nhiên: Phải có bộ óc phát triển cao trong mối liên hệ với thế giới khách quan và khách thể vật chất bên ngoài: Phải có thế giới khách quan.

Nguồn gốc xã hội: Nhờ lao động, các giác quan của con người phát triển, cơ cấu thức ăn thay đổi. Ý thức ra đời. Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp là công cụ của tư duy. Tư duy của con người được trừu tượng hóa, khái quát hóa bằng ngôn ngữ.

Trong hai nguồn gốc tự nhiên và xã hội thì nguồn gốc xã hội có ý nghĩa quyết định sự ra đời của ý thức vì nguồn gốc trực tiếp cho sự ra đời của ý thức là hoạt động thực tiễn.

b. Bản chất của ý thức

Bản chất của ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan bởi óc con người. Phản ánh theo quy trình theo trình tự trao đổi thông tin giữa chủ thể và đối tượng, có chọn lọc và sự định hướng.

Phản ánh mang tính chất chủ động sáng tạo. Phản ánh có chọn lọc, có mục đích, yêu cầu lợi ích của con người.

c. Quan hệ giữa vật chất và ý thức

Vật chất quyết định ý thức

Ý thức tác động trở lại vật chất

2. NHỮNG NGUYÊN LÝ VÀ QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG

2.1. Những nguyên lý tổng quát

a. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

Các quan điểm về mối liên phổ biến

Chủ nghĩa duy tâm: Có mối liên hệ phổ biến nhưng do thần linh tạo ra.

Chủ nghĩa duy vật siêu hình: Không thừa nhận mối liên hệ phổ biến mà cho rằng các sự vật hiện tượng sống tách rời, độc lập lẫn nhau.

Chủ nghĩa duy vật: Thế giới vật chất vô hạn các sự vật hiện tượng nhưng chúng thống nhất nhau ở tính vật chất nên chúng tồn tại trong mối liên hệ phổ biến ràng buộc, chi phối lẫn nhau, vận động và phát triển không ngừng.

Nếu có mối liên hệ qua lại thì cái gì quy định mối quan hệ đó:

Chủ nghĩa duy tâm cho rằng: do lực lượng siêu tự nhiên, thần linh tạo ra.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng: Do tính chất thống nhất của vật chất quy định.

Tính chất của mối liên hệ phổ biến

Tính khách quan: Sự vật hiện tượng tồn tại độc lập, không phụ thuộc vào các giác quan của con người nên các mối liên hệ cũng tồn tại khách quan.

Tính phổ biến: Mọi lúc mọi nơi đều diễn ra mối liên hệ

Không chỉ các sự vật hiện tượng liên hệ với nhau mà các yếu tố bộ phận cấu thành sự vật hiện tượng cũng liên hệ với nhau.

Liên hệ giữa các sự vật.

Liên hệ giữa các yếu tố cấu thành sự vật.

Liên hệ các thời kỳ của một giai đoạn...

Tính đa dạng

Mối liên hệ bên trong, mối liên hệ bên ngoài

Mối liên hệ trực tiếp, mối liên hệ gián tiếp.

Mối liên hệ bản chất không bản chất...

Ý nghĩa phương pháp luận

Khi xem xét đánh giá một sự vật, hiện tượng phải trên quan điểm toàn diện.

Là cơ sở để chống lại quan điểm phiến diện, chống lại quan điểm chiết trung siêu hình.

b. Nguyên lý về sự phát triển

Có nhiều quan điểm khác nhau về sự phát triển

Chủ nghĩa duy vật siêu hình cho rằng: Sự phát triển của các sự vật hiện tượng chỉ là sự tăng lên hay giảm đi về lượng mà không có sự thay đổi về chất.

Chủ nghĩa duy tâm cho rằng: nguồn gốc của sự phát triển là do thượng đế sinh ra

Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng

Phát triển là một quá trình vận động từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện, cái mới thay đổi cái cũ.

Sự phát triển không bao hàm cả vận động mà đó chỉ là một khuynh hướng của vận động mà thôi.

Phát triển là khuynh hướng chung của thế giới được thể hiện cả trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và trong tư duy.

Nguồn gốc của sự phát triển

Nằm ngay trong bản thân sự vật, do mâu thuẫn của sự vật ấy quy định.

Tính chất của sự phát triển:

Tính khách quan.

Tính phổ biến.

Ý nghĩa phương pháp luận

Mọi sự vật hiện tượng đều nằm trong sự vận động và phát triển không ngừng nên trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân chúng ta phải có quan điểm phát triển. Phải nhìn nhận sự vật trong sự vận động và phát triển, vạch ra xu hướng biến đổi và chuyển hóa của chúng.

Nắm được xu hướng phát triển trong tương lai

Xem xét sự vật phải chia quá trình ấy ra từng giai đoạn trên cơ sở ấy có phương pháp tác động phù hợp.

Góp phần khắc phục sự tương đối bảo thủ, trì trệ, định kiến.

Góp phần định hướng, chỉ đạo trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực, cải tạo chính bản thân mình.

2.2. Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

a. Nhận thức chung về quy luật

Quy luật tự nhiên diễn ra một cách tự phát, thông qua sự tác động của các lực lượng tự nhiên, không cần sự tham gia của con người.

Quy luật xã hội diễn ra dưới sự hoạt động của con người.

Quy luật mang tính khách quan, con người không tự ý xóa bỏ nó. Con người có thể vận dụng các quy luật tạo ra những điều kiện thuận lợi hoặc hạn chế tác hại của quy luật nhằm phục vụ nhu cầu và lợi ích của mình.

b. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập (quy luật mâu thuẫn)

Các khái niệm

Mặt đối lập: Là những mặt đối lập nhau tồn tại trong cùng một sự vật hiện tượng. Từ mặt đối lập mà hình thành mâu thuẫn.

Mâu thuẫn biện chứng là mâu thuẫn trong đó bao hàm sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

Nội dung cơ bản của quy luật

Sự vật nào cũng là một thể thống nhất giữa các mặt đối lập.

Các mặt đối lập trong mâu thuẫn biện chứng vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau. Sự đấu tranh của các mặt đối lập là sự tác động qua lại theo hướng bài trừ và phủ định lẫn nhau giữa các mặt đó.

Đấu tranh của các mặt đối lập là nguồn gốc của sự vận động và phát triển

Đấu tranh giữa các mặt đối lập là tuyệt đối, thống nhất là tương đối.

Một số loại mâu thuẫn

Mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài.

Mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản.

Mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu.

Mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng.

Vị trí, ý nghĩa phương pháp luận

Là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng, vạch ra nguồn gốc, động lực của sự phát triển.

Nhận thức sự vật cũng có nghĩa là nhận thức mâu thuẫn của sự vật, nhận thức được các mặt cấu thành mâu thuẫn, do đó biết được nguồn gốc của sự vận động và phát triển của sự vật.

Sự vật khác nhau thì mâu thuẫn cũng khác nhau. Mỗi quá trình có nhiều mâu thuẫn, mỗi mâu thuẫn có nhiều vị trí khác nhau, phải có quan điểm lịch sử cụ thể để có phương pháp tác động phù hợp.

Giải quyết mâu thuẫn phải theo hướng đấu tranh chứ không được dung hòa các mặt đối lập.

c. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất (quy luật lượng - chất)

Khái niệm

Chất là tổng hợp các thuộc tính khách quan của các sự vật hiện tượng nói lên nó là cái gì để phân biệt với các sự vật khác.

Lượng của sự vật không nói lên sự vật đó là gì mà chỉ nói lên con số của các thuộc tính cấu thành nó như về độ lớn (to-nhỏ, quy mô (lớn-bé), trình độ (cao-thấp), tốc độ (nhanh-chậm), màu sắc (đậm-nhạt)...

Có những lượng đo bằng những chỉ số cụ thể, có những lượng không đo được bằng những chỉ số cụ thể mà bằng sự trừu tượng hoá.

Mối quan hệ biện chứng giữa chất và lượng

Sự thay đổi dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất.

Bất cứ sự vật nào cũng có sự thống nhất giữa hai mặt chất và lượng. Lượng nào chất này không có chất và lượng tồn tại tách rời nhau, sự thống nhất giữa chất và lượng tạo nên sự vật gọi là độ.

Độ: Là khái niệm dùng để chỉ giới hạn mà ở đó sự thay đổi về lượng nhong choa làm thay đổi cơ bản về chất của các sự vật, hiện tượng.

Trong khuôn khổ của độ, lượng biến đổi từ tiệm tiến tăng dần hoặc giảm dần, khi lượng biến đổi đạt tới giới hạn, chất của sự vật sẽ thay đổi, giới hạn đó gọi là điểm nút.

Điểm nút là tột đỉnh của giới hạn mà ở đó diễn ra sự nhảy vọt.

Bước nhảy: Là bước ngoặt của sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất.

Các hình thức của bước nhảy diễn ra rất đa dạng: Có bước nhảy toàn bộ, bước nhảy cục bộ, bước nhảy đột biến, bước nhảy dần dần.

Như vậy, quá trình phát triển bao gồm sự tiệm tiến về lượng và thông qua những bước nhảy vọt, tạo ra sự chuyển hóa từ chất cũ sang chất mới. Bước nhảy là sự kết thúc một giai đoạn phát triển của sự vật và là điểm khởi đầu cho một giai đoạn phát triển mới.

Sự ảnh hưởng của chất mới đến lượng mới.

Sự thay đổi về chất là kết quả của sự thay đổi về lượng khi đạt tới điểm nút, chất mới ra đời, chất mới tác động trở lại lượng, quy định lượng mới để tạo ra sự phù hợp giữa chất và lượng.

Ý nghĩa phương pháp luận

Nhận thức đúng mối quan hệ biện chứng giữa sự thay đổi về chất dẫn đến thay đổi về lượng sẽ rút ra được ý nghĩa phương pháp luận quan trọng cho cả hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn:

Phải biết tích lũy về lượng để thay đổi về chất, từ tiến hóa sang cách mạng.

Tránh hai tội lỗi hữu khuynh và tả khuynh.

Biết chớp thời cơ để thực hiện bước nhảy.

Vận dụng linh hoạt các bước nhảy.

d. Quy luật phủ định của phủ định

Khái niệm:

Phủ định là sự thay thế sự vật này bằng sự vật khác trong quá trình vận động và phát triển.

Có hai loại phủ định:

Phủ định siêu hình: là phủ định làm cho sự vật thụt lùi tiêu tan.

Phủ định biện chứng: là phủ định gắn liền với sự vận động và phát triển đi lên của các sự vật hiện tượng. Nghĩa là nó phải tạo điều kiện tiền đề cho sự phát triển tiếp theo.

Nội dung của quy luật

Đặc điểm của phủ định biện chứng